

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/03/2026

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Phước Tỷ

2. Bà Lý Diệu Hiền

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang: Bà Võ Thị Tuyết Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2026/QĐXX-TA ngày 10 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1979 có mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã V, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp T, xã V, tỉnh An Giang.

(Ông Lê văn H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 19/08/2025 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn H1 tự tìm hiểu yêu thương nhau cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1998 có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, trong thời gian đầu tương đối hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do xuất phát từ kinh tế gia đình, từ đó hôn nhân không còn hạnh phúc, chúng tôi đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay tôi

thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa, nên tôi yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung tên: 1/ Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 09/10/2000 (nữ); 2/ Lê Trí N, sinh ngày 05/11/2002 (nam) hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ chúng tôi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2026 bị đơn ông Lê Văn H có ý kiến trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, Vợ chồng đã sống ly thân từ 6 -7 năm nay. Trong quá trình sống chung, chúng tôi có 02 con chung 1/ Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 09/10/2000 (nữ); 2/ Lê Trí N, sinh ngày 05/11/2002 (nam) hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay vợ tôi bà V xin ly hôn, tôi đồng ý và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Lê Văn H. Đây là tranh chấp việc ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. *Về hôn nhân*: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị V tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý ông H và bà V không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng

giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị V theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình

[4]. *Về con chung*: Vợ chồng ông H và bà V có với nhau 02 người con chung: 1/ Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 09/10/2000 (nữ); 2/ Lê Trí N, sinh ngày 05/11/2002 (nam) hiện các con đã trưởng thành, ông H, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung*: Bà V, ông H cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông H, bà V xác nhận vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn bà V có mặt tại phiên tòa, bị đơn ông H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 BLTTDS năm 2015. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, Không công nhận bà V và ông H là vợ chồng. Về con chung ông H, bà V có 02 con chung đã khôn lớn, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002376 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà V không phải nộp thêm. Ông H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa ông Lê Văn H với bà Nguyễn Thị V là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Vợ chồng ông H và bà V có với nhau 02 người con chung: 1/ Lê Thị Quỳnh A, sinh ngày 09/10/2000 (nữ); 2/ Lê Trí N, sinh ngày 05/11/2002 (nam) hiện các con đã trưởng thành, ông H, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung*: Bà V, ông H cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ*: Ông H, bà V xác nhận vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ án phí tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002376 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà V không phải nộp thêm. Ông H không phải nộp án phí.

Báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát ND Khu vực 6

- Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;

- Các đương sự;

- Lưu: Hồ sơ.

Nguyễn Tấn Lợi

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- *Viện kiểm sát ND Khu vực 6*

- *Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;*

- *Các đương sự;*

- *Lưu: Hồ sơ.*

Nguyễn Tấn Lợi

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;*
- *Viện kiểm sát ND Khu vực 6*
- *Phòng Thi hành án DS Khu vực 6;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi

